

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN AN PHÚ
TỈNH AN GIANG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 334/2020/HNGĐ-ST
Ngày: 25 – 8 – 2020
V/v “Tranh chấp hôn nhân và gia
đình, ly hôn, nuôi con chung”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN AN PHÚ, TỈNH AN GIANG**

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Phạm Tuấn.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Huỳnh Thanh Hùng;
2. Ông Phan Phước Tân.

Thư ký phiên tòa: Ông Huỳnh Minh Nhựt - Thư ký Tòa án nhân dân huyện An Phú, tỉnh An Giang.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện An Phú, tỉnh An Giang tham gia phiên tòa: Ông Huỳnh Minh Triết - Kiểm sát viên.

Trong ngày 25 tháng 8 năm 2020, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện An Phú, tỉnh An Giang xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân và gia đình thụ lý số: 220/2020/TLST-HNGĐ ngày 10 tháng 6 năm 2020 về việc “Tranh chấp hôn nhân và gia đình, ly hôn, nuôi con chung” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 247A/2020/QĐXXST-HNGĐ ngày 21 tháng 7 năm 2020 và Quyết định hoãn phiên tòa số 385/2020/QĐST-HNGĐ ngày 06 tháng 8 năm 2020, giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Bà Nguyễn Thị Kim A, sinh năm 1989; địa chỉ: Số 102A/8, khu phố M, thị trấn C, huyện C1, Thành phố Hồ Chí Minh.

Bị đơn: Ông Lê Văn Th, sinh năm 1988; địa chỉ: Tổ 10, ấp V, xã V1, huyện AP, tỉnh An Giang.

Bà Nguyễn Thị Kim A vắng mặt và có đơn yêu cầu xét xử vắng mặt, ông Lê Văn Th vắng mặt không rõ lý do.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện, bản tự khai cùng ngày 01/6/2020 của bà Nguyễn Thị Kim A; các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Về quan hệ hôn nhân: Bà Nguyễn Thị Kim A và ông Lê Văn Th tự tìm hiểu và tiến đến hôn nhân vào năm 2014, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân thị trấn C, huyện C1, Thành phố Hồ Chí Minh (theo bản chính Giấy chứng nhận kết hôn số 42, quyển số 01/2014 ngày 28/6/2014 của Ủy ban nhân dân thị trấn C, huyện C1, Thành phố Hồ Chí Minh).

Sau khi kết hôn, bà Kim A và ông Th thuê nhà trọ sinh sống khoảng một năm thì bà

Kim A có thai. Sau đó, bà Kim A và ông Th về nhà cha mẹ ruột bà Kim A ở huyện C1, Thành phố Hồ Chí Minh sinh sống cho đến khi ly thân. Quá trình chung sống, thời gian đầu vợ chồng chung sống với nhau hạnh phúc. Tuy nhiên, sau khi có con thì cuộc sống vợ chồng bắt đầu phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân là do sau khi có con chung thì vợ chồng bắt đầu thiếu hụt tiền bạc, vợ chồng nhiều lần xảy ra cãi vã, bất đồng quan điểm sống, ông Th nhiều lần có hành vi bạo lực gia đình đối với bà Kim A và xúc phạm gia đình bà Kim A. Bà Kim A cố gắng nhẫn nhịn chung sống, đến khi con chung được 02 tuổi thì ly thân cho đến nay, không hàn gắn tình cảm. Hiện ông Th đã có gia đình riêng. Do tình cảm vợ chồng không còn nên bà Kim A yêu cầu được ly hôn với ông Th.

Về con chung: Quá trình chung sống, bà Kim A và ông Th sinh được 01 (một) con chung tên: Lê Anh T, sinh ngày 30/7/2014. Hiện con chung đang sinh sống cùng bà Kim A.

Bà Kim A yêu cầu được nuôi dạy con chung, không yêu cầu ông Th cấp dưỡng để nuôi dạy con chung.

Về tài sản chung, nợ chung: Không có nên không yêu cầu Tòa án xem xét, giải quyết.

Quá trình giải quyết vụ án, Tòa án tiến hành triệu tập ông Lê Văn Th để tham gia phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải vào ngày 25/6/2020 nhưng ông Th vắng mặt không rõ lý do. Do đó, Tòa án không ghi nhận được ý kiến của ông Th, ông Th cũng không cung cấp bản tự khai cho Tòa án.

Ngày 25/6/2020, bà Nguyễn Thị Kim A có đơn yêu cầu Tòa án tiến hành thu thập tài liệu, chứng cứ, yêu cầu không tiến hành hòa giải và yêu cầu được vắng mặt khi vụ án được đưa ra xét xử do bận công việc làm ăn.

- Về tài liệu, chứng cứ:

Tài liệu, chứng cứ do bà Nguyễn Thị Kim A giao nộp: Bản chính Giấy chứng nhận kết hôn số 42, quyển số 01/2014 ngày 28/6/2014 của Ủy ban nhân dân thị trấn C, huyện C1, Thành phố Hồ Chí Minh; bản sao Giấy khai sinh mang tên Lê Anh T, sinh ngày 30/7/2014; bản sao Sổ hộ khẩu gia đình mang tên Nguyễn Thị Đ; bản sao Giấy chứng minh nhân dân mang tên Nguyễn Thị Kim A; bản chính Bản tự khai ngày 17/7/2020 mang tên Nguyễn Thị Đ; bản chính Đơn yêu cầu ngày 25/6/2020.

Tài liệu, chứng cứ do Tòa án thu thập: Biên bản xác minh tại Công an xã V1 ngày 24/7/2020.

Tại phiên tòa, do bà Kim A và ông Th cùng vắng mặt nên Hội đồng xét xử công bố lời trình bày của bà Kim A, bản tự khai của bà Nguyễn Thị Đ, biên bản xác minh và các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án.

- Theo bản tự khai ngày 17/7/2020, bà Nguyễn Thị Đ cho biết: Bà Đ là mẹ ruột của bà Kim A. Về thời gian và điều kiện đi đến hôn nhân, cũng như thời gian và nguyên nhân phát sinh mâu thuẫn giữa bà Kim A và ông Th giống như lời bà Kim A trình bày. Ông Th và bà Kim A đã sống ly thân nhau từ năm 2016 cho đến nay. Quá trình sống ly thân, ông Th thỉnh thoảng có ghé nhà để thăm con chung rồi đi ngay, không thể hiện ý chí hàn gắn tình cảm vợ chồng. Do ly thân đã lâu, ông Th cũng không muốn hàn gắn tình cảm vợ chồng nên bà Đ mong muốn Tòa án sớm giải quyết cho bà Kim A được ly hôn ông Th.

Về con chung: Quá trình chung sống, bà Kim A và ông Th sinh được 01 (một) con chung tên: Lê Anh T, sinh ngày 30/7/2014. Hiện con chung đang sinh sống cùng bà Kim A và bà Đ.

Bà Đ mong muốn Tòa án giải quyết vấn đề con chung theo quy định của pháp luật.

Về tài sản chung, nợ chung: Không rõ.

Do nhà xa, sức khỏe yếu nên bà Đ yêu cầu được vắng mặt khi Tòa án đưa vụ án ra xét xử.

- Theo biên bản xác minh ngày 24/7/2020, đại diện Công an xã V1, huyện AP cho biết: Ông Lê Văn Th, sinh năm 1988; có đăng ký hộ khẩu thường trú tại địa chỉ: Tổ 10, ấp V, xã V1, huyện AP, tỉnh An Giang. Ông Th đi làm tại Thành phố Hồ Chí Minh nhưng vẫn thường xuyên trở về địa phương sinh sống. Tại địa phương, ông Th thường xuyên ăn nhậu, có lần gây mất trật tự tại địa phương và Công an xã có mời ông Th về làm việc. Bên cạnh đó, ông Th cũng có quan hệ tình cảm phức tạp.

Tòa án cũng đã ban hành Thông báo về việc thu thập được tài liệu, chứng cứ số 945/TB-TA ngày 24/7/2020 và thông báo cho bà Kim A, ông Th được biết để thực hiện quyền, nghĩa vụ của mình.

- Quan điểm của đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện An Phú:

Về tố tụng: Tòa án thụ lý, xác định quan hệ tranh chấp, xác định tư cách đương sự, thu thập chứng cứ đảm bảo quy định của pháp luật tố tụng dân sự; thành phần Hội đồng xét xử không thuộc trường hợp phải thay đổi. Ông Lê Văn Th vắng mặt lần thứ hai không lý do; bà Nguyễn Thị Kim A có đơn yêu cầu không tiến hành hòa giải và yêu cầu xét xử vắng mặt nên Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt các đương sự là phù hợp quy định tại Điều 207, Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

Về nội dung: Theo trình bày của bà Kim A và các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án, có căn cứ xác định hôn nhân giữa bà Kim A và ông Th đã đến mức trầm trọng, đời sống hôn nhân không thể kéo dài, đề nghị chấp nhận yêu cầu xin ly hôn và nguyện vọng nuôi con chung sau ly hôn của bà Kim A; công nhận sự tự nguyện của bà Kim A trong việc không yêu cầu ông Th cấp dưỡng nuôi con chung. Về tài sản chung và nợ chung, đương sự khai không có nên không xem xét, giải quyết.

Các bên đương sự xác định đã cung cấp đầy đủ chứng cứ cho tòa án; không còn cung cấp thêm chứng cứ nào khác.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ kết quả tranh luận tại phiên tòa, quan điểm của đại diện Viện kiểm sát, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng:

Tòa án đã tiến hành tổng đạt hợp lệ các văn bản tố tụng của Tòa án nhưng bị đơn ông Lê Văn Th đều vắng mặt không lý do; đồng thời, ông Th đã được Tòa án triệu tập xét xử hợp lệ đến lần thứ hai nhưng vẫn vắng mặt tại phiên tòa không lý do. Như vậy, ông Th đã tự từ bỏ quyền, nghĩa vụ tham gia tố tụng của mình. Nguyên đơn bà Nguyễn Thị Kim A có đơn yêu cầu không tiến hành hòa giải và yêu cầu xét xử vắng mặt. Do đó, vụ án được xem là không tiến hành hòa giải được theo quy định tại khoản 4 Điều 207 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015 và Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt đối với các đương sự là phù hợp với quy định tại Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

[2] Về thẩm quyền giải quyết:

Hôn nhân giữa bà Nguyễn Thị Kim A và ông Lê Văn Th có tổ chức lễ cưới, có đăng ký kết hôn và được Ủy ban nhân dân thị trấn C, huyện C1, Thành phố Hồ Chí Minh cấp Giấy chứng nhận kết hôn số 42, quyển số 01/2014 ngày 28/6/2014. Ông Lê Văn Th có đăng

ký hộ khẩu thường trú tại: Tổ 10, ấp V, xã V1, huyện AP, tỉnh An Giang nên vụ kiện thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện AP, tỉnh An Giang theo quy định tại các điều 28, 35, 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015 và quy định tại Điều 53 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2014.

[3] Về nội dung vụ án:

[3.1] Về quan hệ hôn nhân: Bà Nguyễn Thị Kim A cho rằng, trong thời gian bà Kim A và ông Th chung sống đã phát sinh nhiều mâu thuẫn. Nguyên nhân là do sau khi có con chung thì vợ chồng bắt đầu thiếu hụt tiền bạc, vợ chồng nhiều lần xảy ra cãi vã, bất đồng quan điểm sống, ông Th nhiều lần có hành vi bạo lực gia đình đối với bà Kim A và xúc phạm gia đình bà Kim A. Bà Kim A cố gắng nhẫn nhịn chung sống, đến khi con chung được 02 tuổi thì ly thân cho đến nay, không hàn gắn tình cảm. Hiện ông Th đã có gia đình riêng. Do tình cảm vợ chồng không còn nên bà Kim A yêu cầu được ly hôn với ông Th. Những mâu thuẫn mà bà Kim A trình bày được bà Nguyễn Thị Đ xác nhận trong bản tự khai ngày 17/7/2020 và được Công an xã V1 xác nhận trong biên bản xác minh ngày 24/7/2020.

Nam nữ khi tiến đến hôn nhân đều hướng đến mục đích xây dựng gia đình hạnh phúc, bền vững nhưng giữa bà Kim A và ông Th lại tồn tại những mâu thuẫn không thể hàn gắn dẫn đến đời sống hôn nhân không hạnh phúc. Bà Kim A và ông Th đã sống ly thân nhau từ năm 2016 cho đến nay, không hàn gắn tình cảm và quá trình chung sống trước đó, ông Th nhiều lần đánh đập bà Kim A, xúc phạm mẹ vợ là bà Nguyễn Thị Đ cũng đã cho thấy sự vi phạm nghiêm trọng quyền và nghĩa vụ của vợ chồng. Từ những phân tích nêu trên, có thể nhận thấy mâu thuẫn giữa bà Kim A và ông Th đã đến mức trầm trọng, đời sống hôn nhân không hạnh phúc, mục đích hôn nhân không đạt được. Do đó, chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của bà Nguyễn Thị Kim A theo quy định tại khoản 1 Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014.

[3.2] Về con chung: Quá trình chung sống, bà Kim A và ông Th sinh được 01 (một) con chung tên: Lê Anh T, sinh ngày 30/7/2014. Hiện con chung đang sinh sống cùng bà Kim A.

Sau khi xem xét điều kiện nuôi con của bà Kim A, ông Th và sự đảm bảo quyền lợi về mọi mặt cho con chung, Hội đồng xét xử căn cứ Điều 81 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014 quyết định để bà Nguyễn Thị Kim A được trực tiếp nuôi dạy con chung tên: Lê Anh T, sinh ngày 30/7/2014.

Bà Kim A không yêu cầu ông Th cấp dưỡng nuôi con chung. Trong quá trình giải quyết vụ án, Tòa án cũng đã giải thích cho bà Kim A về quyền yêu cầu cấp dưỡng nuôi con chung đối với người không trực tiếp nuôi con chung, cũng như nghĩa vụ cấp dưỡng của người không trực tiếp nuôi con chung, nhưng bà Kim A vẫn giữ nguyên ý kiến của mình. Do đó, Hội đồng xét xử quyết định công nhận sự tự nguyện của bà Kim A trong việc không yêu cầu ông Th cấp dưỡng để nuôi dạy con chung.

Cha, mẹ không trực tiếp nuôi con lạm dụng việc thăm nom để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con thì người trực tiếp nuôi con có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế quyền thăm nom con của người đó.

Ông Lê Văn Th cùng các thành viên trong gia đình (nếu có) phải tôn trọng quyền được nuôi con của bà Nguyễn Thị Kim A. Ngược lại, bà Nguyễn Thị Kim A cùng các thành viên trong gia đình (nếu có) không được cản trở ông Lê Văn Th trong việc thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chung.

Vì lợi ích của con, theo yêu cầu của người thân thích của con, cơ quan có thẩm quyền, Tòa án có thể quyết định thay đổi người trực tiếp nuôi con, buộc cấp dưỡng nuôi con chung theo quy định của pháp luật.

[3.3] Về tài sản chung, nợ chung: Bà Nguyễn Thị Kim A xác định không có tài sản chung, nợ chung và không yêu cầu Tòa án xem xét, giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[4] Về án phí sơ thẩm và các chi phí tố tụng khác:

Bà Nguyễn Thị Kim A phải chịu án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm; ông Lê Văn Th không phải chịu án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm.

Các đương sự không phải chịu các chi phí tố tụng khác.

[5] Về quyền kháng cáo: Bà Nguyễn Thị Kim A và ông Lê Văn Th có quyền kháng cáo bản án theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 56, các điều 57, 81, 82, 83, 84 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2014;

Căn cứ các điều 147, 271, 273 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015;

Căn cứ điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí tòa án.

Xử: Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của bà Nguyễn Thị Kim A.

1. Về quan hệ hôn nhân: Bà Nguyễn Thị Kim A được ly hôn với ông Lê Văn Th.

2. Về con chung: Bà Nguyễn Thị Kim A được trực tiếp nuôi dạy con chung tên: Lê Anh T, sinh ngày 30/7/2014. Ông Lê Văn Th không phải cấp dưỡng để nuôi dạy con chung.

Ông Lê Văn Th cùng các thành viên trong gia đình (nếu có) phải tôn trọng quyền được nuôi con của bà Nguyễn Thị Kim A. Ngược lại, bà Nguyễn Thị Kim A cùng các thành viên trong gia đình (nếu có) không được cản trở ông Lê Văn Th trong việc thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chung.

Vì lợi ích của con, theo yêu cầu của người thân thích của con, cơ quan có thẩm quyền, Tòa án có thể quyết định thay đổi người trực tiếp nuôi con, buộc cấp dưỡng nuôi con chung theo quy định của pháp luật.

3. Về án phí sơ thẩm và các chi phí tố tụng khác: Bà Nguyễn Thị Kim A phải chịu 300.000 (ba trăm nghìn) đồng án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm, số tiền này được khấu trừ vào số tiền 300.000 (ba trăm nghìn) đồng tạm ứng án phí mà bà Kim A đã nộp theo Biên lai thu tiền tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số TU/2019/0001127 ngày 09/6/2020 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện An Phú, tỉnh An Giang.

Ông Lê Văn Th không phải chịu án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm.

Các đương sự không phải chịu các chi phí tố tụng khác.

4. Về quyền kháng cáo: Án tuyên công khai vắng mặt bà Nguyễn Thị Kim A và ông Lê Văn Th. Bà Kim A và ông Th có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc kể từ ngày bản án được niêm yết.

Giấy chứng nhận kết hôn số 42, quyển số 01/2014 ngày 28/6/2014 của Ủy ban nhân dân thị trấn C, huyện C1, Thành phố Hồ Chí Minh cấp cho bà Nguyễn Thị Kim A và ông Lê Văn Th không còn giá trị pháp lý kể từ ngày bản án này có hiệu lực pháp luật.

(Trong trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự).

Nơi nhận:

- TAND tỉnh An Giang (1);
- VKSND tỉnh An Giang (1)
- VKSND huyện An Phú (1);
- THADS huyện An Phú (1);
- UBND thị trấn C1,
huyện Cần Giờ (01);
- Các đương sự;
- Lưu văn phòng;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ**

Phạm Tuân